TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2023/HNGĐ - ST
Ngày 19 - 9 - 2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Mầm**

Ông **Nguyễn Tấn Lộc**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc San** - Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Bích Trâm -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Tuyết Kh** – sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh **Lê Minh G** – sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 6 năm 2023 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết Kh trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2012, được sự thống nhất của gia đình chị và anh G kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105/2012, ngày 29/6/2012. Qua thời gian sống chung thì anh chị có sự bất hòa và mâu thuẫn, từ đó anh chị không còn hạnh phúc nữa. Hằng ngày anh chị thường có mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình với nhau, nhưng sau đó cũng tạo điều kiện để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, vẫn có sự mâu thuẫn với nhau nhiều hơn mà

không thể giải quyết được. Nay chị xét thấy hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được và không còn hạnh phúc nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh G.

Về con chung: Chị Nguyễn Tuyết Kh trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Tuyết Kh trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị Nguyễn Tuyết Kh trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Minh G trình bày tại Biên bản làm việc của Tòa án:

Về hôn nhân: Vào năm 2012, được sự thống nhất của gia đình chị Kh và anh kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105/2012, ngày 29/6/2012. Qua thời gian sống chung thì anh chị sống rất hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì với chị Kh. Anh chị không có sống ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn như chị Kh trình bày là không đúng. Nay chị Kh yêu cầu được ly hôn với anh thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh G xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh G xác định có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Anh G xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết Kh. Xử cho chị Nguyễn Tuyết Kh được ly hôn với anh Lê Minh G. Về con chung và nợ chung, nợ riêng: Không có nên không xem xét. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét. Chị Kh phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Tuyết Kh nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh G. Khi khởi kiện anh G cư trú tại ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Lê Minh G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Kh và anh G tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105/2012, ngày 29/6/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua trình bày của chị Kh về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Kh và anh G, chị Kh yêu cầu được ly hôn với anh G. Anh G không đồng ý ly hôn với chị Kh vì anh cho rằng giữa anh và chị Kh không có mâu thuẫn, anh chị không có sống ly thân. Tại phiên tòa, chị Kh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh G vì anh G chỉ lo ăn chơi, nhậu nhẹt, bài bạc, không lo làm ăn và đã gây nợ nần rất nhiều. Chị và anh G phải đi làm ở tỉnh Đồng Nai để kiếm tiền trả nợ, nhưng khi đi làm ở tỉnh Đồng Nai thì anh G vẫn không sửa đổi tính tình, vẫn chỉ lo ăn chơi không lo làm ăn. Sau khi tiếp tục gây nợ nần ở tỉnh Đồng Nai thì anh G bỏ về nhà ở huyện C, tỉnh Cà Mau để một mình chị ở lại làm việc và trả nợ. Hiện tại, chị và anh G đã sống ly thân được khoảng 05 tháng. Tại biên bản xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương – nơi chị Kh và anh G sinh sống thì được biết sau khi kết hôn chị Kh và anh G có sinh sống tại địa phương nhưng khoảng 4 năm nay do kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên anh chị đi làm tại tỉnh Bình Dương không còn sinh sống tại địa phương. Quá trình sinh sống tại tỉnh Bình Dương anh chị có phát sinh mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được. Mặc khác, anh G không đưa ra chứng cứ chứng minh anh và chị Kh không có mâu thuẫn. Xét thấy, hôn nhân bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hôn nhân giữa chị Kh và anh G mâu thuẫn trầm trọng, đã không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân nhau. Do đó, chị Kh yêu cầu được ly hôn với anh G là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Tuyết Kh và anh Lê Minh G thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Tuyết Kh và anh Lê Minh G thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung, nợ riêng: Chị Nguyễn Tuyết Kh và anh Lê Minh G thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Tuyết Kh phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các điều 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Tuyết Kh đối với anh Lê Minh G. Xử cho chị Nguyễn Tuyết Kh được ly hôn với anh Lê Minh G.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Tuyết Kh và anh Lê Minh G thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Tuyết Kh và anh Lê Minh G thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Chị Nguyễn Tuyết Kh và anh Lê Minh G thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Tuyết Kh phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009358 ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau. Chị Nguyễn Tuyết Kh đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy đinh tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Chí Thêm